

Bản án số: 54/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 14-04-2017

**V/v Tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông PHẠM HẢI DUY

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà LÊ THỊ LAN

2. Ông MÃ THANH TRUNG

*- Thư ký phiên tòa: Ông LƯƠNG THẾ VINH – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia
phiên tòa: (không có)*

Ngày 14 tháng 04 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2017 về tranh chấp “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 03 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị TRẦN THỊ NGỌC B, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh ĐOÀN VĂN T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Trần Thị Ngọc B và anh Đoàn Văn T cùng có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Tờ tự khai ngày 16/01/2017 nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc B trình bày:

Do quen biết nên chị B và anh Đoàn Văn T kết hôn vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Quan hệ vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đoàn Văn T thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà kiểm chuyện đánh đập chị B, không quan tâm đến vợ con. Do cuộc sống không hạnh phúc nên đến tháng 09/2016, chị B đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay.

Về con chung có 02 đứa tên là: Đoàn Bách T, sinh ngày 21/08/1994 và Đoàn Bách T1, sinh ngày 14/07/2001 hiện đang sống cùng với chị B.

Về tài sản chung: vợ chồng chị B có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia.

Về nợ chung: trong quá trình chung sống, vợ chồng chị B có nợ chung nhưng tự thỏa thuận chia trả.

Nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Văn T.

Về con chung: Chị B yêu cầu được nuôi con chung Đoàn Bách T1, sinh ngày 14/07/2001. Riêng cháu Đoàn Bách T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: tự thỏa thuận chia trả nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai ngày 24/03/2017 bị đơn là anh Đoàn Văn T trình bày:

Anh Đoàn Văn T và chị Trần Thị Ngọc B chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 1994. Nay chị B đòi ly hôn với anh T thì anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ con, mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ.

Nếu Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn với anh T thì anh có các ý kiến sau:

Về con chung: Anh T yêu cầu được nuôi con chung Đoàn Bách T1, sinh ngày 14/07/2001. Riêng cháu Đoàn Bách T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: tự thỏa thuận chia trả nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn với bị đơn, riêng bị đơn thì không đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình chung sống đến năm 2013 thì quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và bị đơn cũng thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay, dẫn đến tình cảm vợ chồng không cải thiện mà ngày càng mâu thuẫn hơn. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên là Đoàn Bách T, sinh ngày 21/08/1994 và Đoàn Bách T1, sinh ngày 14/07/2001, hiện đang sinh sống cùng với nguyên đơn. Tại phiên Tòa hôm nay, cả nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu nuôi cháu Tiến sau khi ly hôn. Xét thấy, cháu Tiến hiện nay đang ở cùng với nguyên đơn, cho nên để tránh những xáo trộn trong đời sống và tâm lý của con chung đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Tiến, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên là Đoàn Bách T1, sinh ngày 14/07/2001 cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Riêng cháu Đoàn Bách T, sinh ngày 21/08/1994 tính đến nay đã trưởng thành (hơn 18 tuổi), có nghề nghiệp ổn định và nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu gì nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Tiến, đồng thời bị đơn cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn xác định vợ chồng có một số tài sản chung nhưng do nguyên đơn và bị đơn không tranh chấp, tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Do nguyên đơn và bị đơn khai tự thỏa thuận phân chia nợ chung không có yêu cầu gì nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí HNST: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc B. Cho Bích được ly hôn với anh Đoàn Văn T.

[2] Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên là Đoàn Bách T1, sinh ngày 14/07/2001 cho chị Trần Thị Ngọc B nuôi dưỡng. Anh Đoàn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đoàn Văn T khỏi phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị B không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Trần Thị Ngọc B và anh Đoàn Văn T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí HNST: Chị Trần Thị Ngọc B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ, chị B đã nộp 200.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06262 ngày 05/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên phải nộp tiếp 100.000đ.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Chi cục THA dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẠM HẢI DUY